



hóng yán

红颜

noun · beautiful woman; (lit.) rosy cheeks

Example Sentence

Tā céng shì hóng yán rú jīn yǐ bái fà cāng cāng

她曾是红颜，如今已白发苍苍。

She was once a beauty, now her hair is gray.

Trace each character, then write the word on your own.

红	红	红	红	红	红	红	红	红		
颜	颜	颜	颜	颜	颜	颜	颜	颜	颜	颜
颜	颜	颜	颜	颜	颜	颜				